TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày 20-8-2024
"v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Văn Truyện.
2/ Ông Nguyễn Văn Lên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến tường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 20/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2024/QĐST-DS ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958;
Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).
Bị đơn:
1/ Ông Võ Văn L, sinh năm 1967;
2/ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1969;
Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024, những lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024 ông T cho rằng ngày 12/4/2023, ông có cho ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị C vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi. Khi vay bà C có ký biên nhận cho ông, mục đích vay để buôn bán. Thời hạn vay đến 30/12/2023. Từ khi vay đến nay ông có liên hệ ông L và bà C nhiều lần nhưng ông L và bà C cố tình lảng tránh không thanh toán cho ông số tiền trên. Nay ông yêu cầu ông L và bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại phiên tòa ông T trình bày: Thực tế ông L và bà C vay ông số tiền 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 29/4/2019 biên nhận có đầy đủ chữ ký của

ông L và bà C theo biên nhận trên thì lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Ông L và bà C mới thanh toán cho ông được 18.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó đến ngày 12/4/2023, ông L và bà C đã trả cho ông được 100.000.000 đồng tiền gốc và còn thiếu lại của ông số tiền 50.000.000 đồng nên các bên thống nhất ghi lại biên nhận 50.000.000 đồng ngày 12/4/2023. Thực tế ngày 12/4/2023 các bên không có giao nhận tiền mà ký lại số tiền lãi còn thiếu của biên nhận 29/7/2019 số tiền vay gốc 100.000.000 đồng.

Đối với bản phô tô biên nhận ngày 12/4/2023 phía bị đơn cung cấp là do ông T viết và ký tên thể hiện số tiền ông L, bà C đã trả 100.000.000 đồng tiền gốc còn lại 50.000.000 đồng tiền lãi. Ông xác định đúng là chữ ký và chữ viết của ông và xác nhận 50.000.000 đồng trên là số tiền lãi của 100.000.000 đồng theo biên nhận 12/4/2019.

Ông xác định ông L, bà C là người trực tiếp đứng ra vay số tiền trên của ông, ông không cho ông Đ vay, việc ông L và bà C cho ông Đ vay lại như thế nào ông không biết và xác định chỉ kiện ông L, bà C đối với số tiền trên, không liên quan đến ông Đ.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà C đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 1241, 1242, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân dân thị xã K cấp ngày 09/10/2023. Ông L, bà C đã thế chấp cho ông để vay khoản tiền trên nhưng không công chứng chứng thực hiện nay ông đang giữ. Ông tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông L, bà C.

Bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày tại biên bản hòa giải ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường như sau: Bà đồng ý trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/4/2023 nhưng xin trả dần vào tháng 2 hàng năm số tiền 5.000.000 đồng và tháng 7 hàng năm 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong.

Tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 15/6/2024 của bà Huỳnh Thị C và đơn đề nghị ngày 22/7/2024 của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị C trình bày như sau: Ông bà đề nghị triệu tập ông Đào Văn Đ1, sinh năm 1986; Địa chỉ Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An vì số tiền trên thực chất ông bà vay cho ông Đ1, ông bà đã đóng cho ông T được 18.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền 50.000.000 đồng ông T khởi kiện là số tiền lãi của biên nhận 29/7/2019 số tiền vay 100.000.000 đồng. Thực tế ngày 12/4/2023 các bên không có giao nhận tiền mà ký lại số tiền lãi còn thiếu và cho rằng số tiền lãi trên là quá cao đề nghị Tòa án điều tiết lại tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông bà có nộp đính kèm bản phô tô biên nhận ngày 12/4/2023 do ông T viết và ký tên thể hiện số tiền ông bà đã trả 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 50.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa ông L, bà C vắng mặt không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về mặt hình thức: Từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, Tòa án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, xác định đúng

tư cách của bên tham gia tố tụng, đảm bảo các bên tham gia tố tụng được quyền tranh tụng tại tòa.

Về mặt nội dung như sau: Ông T yêu cầu ông L, bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi theo bản chính biên nhận ngày 12/4/2023 do ông T cung cấp.

Tuy nhiên tại phiên tòa, ông T thừa nhận thực tế ông L, bà C chỉ vay ông 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/4/2019. Đến ngày 12/4/2023 ông L, bà C đã trả cho ông được 100.000.000 đồng tiền gốc còn lại 50.000.000 đồng tiền lãi chưa trả nên hai bên đã thống nhất ghi lại biên nhận ngày 12/4/2023 với nội dung ông L, bà C còn nợ ông số tiền là 50.000.000 đồng, thực tế ngày 12/4/2023 không có việc giao nhận tiền giữa các bên. Xét tại biên nhận ngày 29/4/2019 các bên không thỏa thuận về mức lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 440, 357 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính là 0,83%/tháng (tương ứng là 10%/năm).

Lãi suất được tính là 100.000.000 đồng, từ ngày 29/4/2024 đến ngày 12/4/2023 là 03 năm 11 tháng 14 ngày x 100.000.000 đồng x 0,83% = 39.397.000 đồng. Do đó xác định số tiền lãi ông L, bà C còn thiếu của ông T là 39.397.000 đồng.

Đối với lời trình bày của ông L, bà C cho rằng ông bà đã đóng được 18.000.000 đồng tiền lãi cho ông T. Tại phiên tòa ông T cùng thừa nhận việc ông L, bà C đã đóng cho ông được 18.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý cấn trừ số tiền trên cho ông L, bà C.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền là 39.397.000 đồng - 18.000.000 đồng = 21.397.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 50.000.000 đồng - 21.397.000 đồng = 28.603.000 đồng.

Tại phiên tòa ông T tự nguyện trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP552470 do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp cho ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C ngày 09/10/2013 đối với thửa 1241, 1242 cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An cho ông L, bà C nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn L, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay 50.000.000 đồng nên được xác định quan hệ pháp luật dân sự là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thẩm quyền do Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý và giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về phạm vi giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ông L, bà C có nghĩa vụ thanh toán số tiền 50.000.000 đồng tại biên nhận ngày 12/4/2023 do bà C ký tên. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt: Bị đơn ông L, bà C vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L, bà C theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.5] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo lời trình bày của ông L, bà C cho rằng số tiền vay trên là số tiền ông bà vay của ông T cho ông Đào Văn Đ1, sinh năm 1986; Địa chỉ Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Tuy nhiên căn cứ vào các biên nhận thể hiện việc ông L, bà C là người trực tiếp đứng ra vay số tiền trên của ông T, ông T cũng xác định không cho ông Đ1 vay mà ông T chỉ cho ông L, bà C vay số tiền trên, việc ông L và bà C cho ông Đ1 vay lại như thế nào ông không biết và xác định chỉ kiện ông L, bà C. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa ông Đ1 tham gia tố tụng trong vụ án này. Sau này ông L, bà C có quyền kiện ông Đ1 bằng vụ án khác nếu có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung hợp đồng vay tài sản: Ông T yêu cầu ông L, bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi theo bản chính biên nhận ngày 12/4/2023 do ông T cung cấp.

Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường và tại phiên tòa ông T thừa nhận thực tế ông L, bà C chỉ vay ông 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/4/2019. Đến ngày 12/4/2023 ông L và bà C đã trả cho ông được 100.000.000 đồng tiền gốc còn lại 50.000.000 đồng tiền lãi chưa thanh toán nên hai bên đã thống nhất ghi lại biên nhận ngày 12/4/2023 với nội dung ông L, bà C còn nợ ông số tiền là 50.000.000 đồng, thực tế ngày 12/4/2023 không có việc giao nhận tiền giữa các bên mà đây là số tiền lãi của biên nhận 29/4/2019 là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông T thừa nhận ông có viết biên nhận cùng ngày 12/4/2023 cho ông C, bà L (biên nhận phô tô do ông L và bà C nộp) thể hiện nôi dung ông C, bà L đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền lãi.

[2.2] Đối với ý kiến trình bày của ông L bà C cho rằng số tiền ông T tính lãi cho ông bà là quá cao, ông bà đề nghị Tòa án điều tiết lại tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế ngày 12/4/2023 không có việc giao nhận tiền giữa các bên mà đây là số tiền lãi của biên nhận 29/4/2019 của số tiền vay 100.000.000 đồng nên cần xem xét lại biên nhận 29/4/2019 được ký kết giữa ông L, bà C với ông T là phù hợp. Tại nội dung của biên nhận ngày 29/4/2019 tại mục cam kết chung thể hiện các bên thỏa thuận "*lãi nhập gốc*". Tuy nhiên tại biên nhận ngày 29/4/2019 các bên không thỏa thuận về mức lãi suất trong biên nhận nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào các Điều 440, 357 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính là 0,83%/tháng (tương ứng là 10%/năm).

Lãi suất của biên nhận ngày 29/4/2019 với số tiền gốc là 100.000.000 đồng được điều tiết lại cho phù hợp như sau, lãi suất được tính từ ngày 29/4/2024 đến ngày 12/4/2023 là 03 năm 11 tháng 14 ngày x 100.000.000 đồng x 0,83% = 39.397.000 đồng.

Do đó xác định số tiền lãi ông L, bà C còn thiếu của ông T là 39.397.000 đồng.

[2.3] Đối với lời trình bày của ông L, bà C cho rằng ông bà đã đóng được 18.000.000 đồng tiền lãi cho ông T. Tại phiên tòa ông T cùng thừa nhận việc ông L, bà C đã đóng cho ông được 18.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý cấn trừ số tiền trên cho ông L, bà C nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền là 39.397.000 đồng - 18.000.000 đồng = 21.397.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 50.000.000 đồng - 21.397.000 đồng = 28.603.000 đồng.

[2.5] Tại phiên tòa ông T trình bày ông L, bà C đã thế chấp cho ông 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay khoản tiền trên nhưng không công chứng chứng thực hiện nay ông đang giữ. Ông tự nguyện trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP552470 do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp cho ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C ngày 09/10/2013 đối với thửa 1241, 1242 cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An cho ông L và bà C nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về án phí: Buộc ông L, bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận sung vào công quỹ nhà nước, buộc ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T không được chấp nhận nhưng ông T thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn miễn án phí nên ông T được miễn toàn bộ án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 228, 244, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 117, 278, 280, 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 21.397.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả số tiền 28.603.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP552470 do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp cho ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C ngày 09/10/2013 đối với thửa 1241, 1242 cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An cho Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C.

5. Về án phí: Buộc ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị C phải chịu 1.070.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn T.

Về tạm ứng án phí miễn toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Ông T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L, bà C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Văn Lên – Phan Văn Truyện	**Vũ Thị Lệ**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Lệ